

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý Chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Ngọc Đình

2. Ngày tháng năm sinh: 18/04/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phương Phương Liên, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P.414 C10 TT Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Ngọc Đình, Khoa Vật lý, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, số 334 Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0946258080;

E-mail: nguyennngocdinhh@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 03/2008 đến 09/2014: Nghiên cứu viên tại Khoa Vật lý, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

Từ 09/2014 đến 06/2025: Giảng viên tại Khoa Vật lý, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

Từ 12/2015 đến 09/2019: Phó Chủ nhiệm Bộ môn Vật lý Chất rắn tại Khoa Vật lý, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

Từ 01/2019 đến 01/2022: Trưởng Bộ môn Vật lý Chất rắn tại Khoa Vật lý, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

Từ 07/2022 đến 06/2025: Phó Trưởng Khoa Vật lý tại Khoa Vật lý, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Khoa Vật lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN;
Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Vật lý

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Vật lý, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: số 334 Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243-8584615

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 25 tháng 06 năm 2002, số văn bằng: QC 006656, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Không ghi

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 15 tháng 03 năm 2005, số văn bằng: QM 001501, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý Chất rắn

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 12 tháng 12 năm 2012, số văn bằng: QT 000640, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý Chất rắn

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phát triển vật liệu tiên tiến, bao gồm vật liệu có độ từ thẩm và hằng số điện môi cao, vật liệu từ mềm và vật liệu có cấu trúc nano với tính chất quang học đặc trưng
- Nghiên cứu, chế tạo các hệ thống cơ điện tử chính xác, thông minh tích hợp công nghệ in 3D sinh học và ứng dụng AI

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Bộ; 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 44 bài báo khoa học, trong đó 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong kỳ thi Olympic Vật lý sinh viên toàn quốc"	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. QĐ số: 1435/QĐ-BGDDT ngày 25/04/2014	2014
2	Giấy khen "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đảng"	Đảng Bộ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. QĐ số: 128-QĐ/ĐU ngày 30/12/2016	2016
3	Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác lãnh đạo và huấn luyện đội tuyển Olympic Vật lý trong nhiều năm"	Hội Vật lý Việt Nam	2016
4	Bằng khen "Đạt thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục, bồi dưỡng học sinh được giải Olympic khu vực và quốc tế"	Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, QĐ số: 3275/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/10/2021	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Kể từ năm 2008, qua hơn 17 năm công tác tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, ứng viên đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của một nhà giáo, đồng thời đóng góp tích cực vào việc xây dựng, kiểm định chất lượng và phát triển các chương trình đào tạo mới theo sự phân công của Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Ứng viên luôn giữ vững đạo đức nghề nghiệp, lối sống giản dị, đoàn kết và cam kết mạnh mẽ vào sự phát triển tập thể. Không ngừng học hỏi và nghiên cứu khoa học, ứng viên liên tục nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ. Cụ thể là:

- Ứng viên đã giảng dạy các học phần đại học và sau đại học, luôn vượt định mức công việc; đồng hướng dẫn 02 nghiên cứu sinh và hướng dẫn độc lập 03 thạc sĩ tốt nghiệp, cùng nhiều sinh viên hoàn thành khóa học. Ứng viên tích cực khuyến khích năng lực sinh viên thông qua các kỳ thi Olympic Vật lý, Robocon, và tham gia xây dựng đề thi học sinh giỏi quốc gia, đội tuyển Olympic Vật lý châu Á và quốc tế. Những nỗ lực này được ghi nhận bằng 01 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 Bằng khen của Hội Vật lý Việt Nam và 01 Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Ứng viên đã tích cực tham gia vào nhiều hoạt động tư vấn khoa học, thường xuyên được mời phản biện cho các đề xuất thuyết minh nghiên cứu và nghiệm thu đề tài nghiên cứu. Ứng viên đã phản biện cho nhiều bài báo được gửi đăng tại các tạp chí có uy tín, là thành viên của ban tổ chức các hội nghị chuyên ngành như "FMS" tại Phú Quốc, "International Workshop on Advanced

Materials and Devices” tại Thái Nguyên, và là báo cáo viên mời tại hội nghị “TACT” được tổ chức ở Đài Loan.

- Ứng viên luôn chủ động hợp tác với các đồng nghiệp, các nhà khoa học trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Tham gia xây dựng các chương trình đào tạo tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Trong quá trình công tác cho đến nay, ứng viên đã tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, đặc biệt, là chủ nhiệm cho **02** đề tài cấp Đại học Quốc gia (tương đương cấp Bộ), **03** đề tài cấp Cơ sở, là đồng chủ trì **01** dự án do quỹ VINIF tài trợ (VINIF.2020.DA07). Ứng viên đã công bố **44** công trình khoa học, trong đó có **14** công trình nằm trong danh mục ISI/Scopus.

- Ứng viên sử dụng thành thạo tiếng Anh, phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy. Ứng viên cũng duy trì sức khỏe tốt với lối sống lành mạnh để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp giảng viên đại học. Khi đối chiếu với tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, ứng viên tin rằng mình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một giảng viên, và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Phó giáo sư theo quy định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 3 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã IID	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020		1			340		340/436.65/216
2	2020-2021					278.5	30	308.5/422.6/216
3	2021-2022					230		230/319.4/216
03 năm học cuối								
4	2022-2023				2	311.3	45	356.3/444.95/189
5	2023-2024		1		4	486.42	45	531.42/602.67/168
6	2024-2025				3	372.5	90	462.5/511.15/168

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ

GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): - Khoa Vật lý Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ ngoại ngữ B2 theo khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR); Do trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN cấp ngày 12/09/2012

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hạnh		X	X		05/2014 đến 03/2015	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	12/03/2015
2	Lê Vũ Đạt		X	X		05/2014 đến 03/2015	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	12/03/2015
3	Nguyễn Văn Lợi		X	X		04/2017 đến 05/2018	Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	10/04/2018
4	Lê Thị Anh Thư	X			X	12/2015 đến 12/2018	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, ĐHQGHN	22/12/2020



5	Nguyễn Long Tuyên	X			X	04/2017 đến 09/2023	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	13/12/2024
---	----------------------	---	--	--	---	---------------------------	---	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	<u>Thực hành đo lường và điều khiển trong công nghiệp dùng PLC</u>	GT	Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2025	1	MM	(Cả quyển)	Số 2114/QĐ- ĐHKHTN ngày 17/06/2025

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu chế tạo hệ đo tổng trở dựa trên Lock-in số	CN	QT-09-06, cấp Bộ	02/04/2009 đến 01/04/2010	14/05/2010/ Xếp loại Tốt
2	Khai thác sử dụng phần mềm Powder Cell phân tích phổ nhiễu xạ tia X để tính toán thông số mạng tinh thể trong giảng dạy và nghiên cứu	CN	TN-10-16, cấp Cơ sở	18/06/2010 đến 17/06/2012	18/06/2012/ Xếp loại Tốt

3	Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật liệu multiferroic	CN	TN-12-09, cấp Cơ sở	26/03/2012 đến 25/03/2013	24/05/2013/ Xếp loại Đạt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
4	Nghiên cứu chế tạo màng mỏng đa lớp bằng phương pháp Electrophoretics	CN	QG.16.04, cấp Bộ	01/01/2016 đến 31/12/2018	14/8/2020/ Xếp loại Đạt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T	T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tá c gi ả	Là tác gi ả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (khô ng tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ									
1		Research on positive thermoresistive coefficient (PTC) semiconducting perovskite BaTiO ₃	6	Không	8th Vietnam conference on radio and electronics			287-289	11/2002
2		<u>Study of La_{0.7}Sr_{0.3}Mn_{0.96}Co_{0.04}O₃, La_{0.7}Sr_{0.3}MnO₃ and BaTiO₃ composites</u>	4	Không	Physica B: Condensed Matter	Có - SCIE IF: Q2	17	327, 2-4, 370-373	04/2003
3		Nghiên cứu một số loại perovskite có hệ số nhiệt điện trở dương	4	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 4			III-B 597-600	11/2003
4		<u>Structural phase transition in some perovskite materials having positive thermoresistive coefficient</u>	5	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			XX, 3AP, 597-600	09/2004
5		Nghiên cứu vật liệu có hiệu ứng nhiệt điện trở dương	4	Không	Hội nghị ứng dụng vật lý			331-335	12/2004

28

	(PTC) và khả năng ứng dụng ở Việt Nam			toàn quốc lần thứ 2				
6	Investigation of perovskites with positive thermoresistive coefficient (PTC)	4	Có	The 7th Vietnamese-German seminar on physics and engineering			139-141	03/2004
7	Study on production technology of positive thermoresistive coefficient (PTC) semiconducting perovskite and some applications	6	Không	9th Vietnam conference on radio & electronics (REV'04)			379-381	11/2004
8	Designing a data acquisition system for meteorological radiosonde	4	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			22, 2AP, 210-213	06/2006
9	Dielectric properties of Ba _{1-x} Sr _x Ti _{0.5} Zr _{0.5} O ₃ perovskite materials	3	Có	The 1st International workshop on function materials and the 3rd international workshop on nanophysics and nanotechnology			331-333	12/2006
10	PC digital lock-in based impedance spectroscopy system	2	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			22, 2AP, 48-51	06/2006
11	The structure and magnetic property of nano-perovskite LaFeO ₃ prepared by Citrat-	5	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			24, 1S, 109-112	11/2008

	gel, Co-precipitation and High energy milling methods							
12	Study on nano particles of n-doped BaTiO ₃	4	Có	APCTP-ASEAN Workshop on advanced materials science and nanotechnology			995-998	09/2008
13	Cấu trúc và tính chất điện môi của một số gốm perovskite nền BSZT pha tạp La	3	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 6			428-431	11/2009
14	Reconfigurable instruments for experiments in physics-the speed of sound measurement	3	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			26 51-54	03/2010
15	Study on preparation and characteristics of Ba _{0.8-x} Sr _{0.2} La _x Ti _{0.5} Zr _{0.5} O ₃ perovskites	2	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			27, 1S, 46-50	07/2011
16	Amplitude and phase adaptive nulling with a genetic algorithm for array antennas	3	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			27, 1S, 223-227	07/2011
17	<u>Amorphous iron-chromium oxide nanoparticles prepared by sonochemistry</u>	8	Không	Journal of Non-Crystalline Solids	Có - SCIE IF: Q1	22	358, 3, 537-543	02/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
18	Electric and thermoelectric properties of LaFeO ₃ compounds doped by Ti, Co and Cu ions	4	Không	VNU Journal of Mathematics - Physics			29, 3, 42-48	09/2013
19	Magnetic properties of nano-sized La ₂ NiO ₄ and (La ₂ NiO ₄) _{1-x} (BaTiO ₃) _x composites	8	Không	The 2nd International Conference on Advanced Materials and			511-514	10/2014

gub

				Nanotechnology ICAMN 2014				
20	Study on properties of core-shell composites (La ₂ NiO ₄) _{1-x} (BaTiO ₃) _x	8	Không	VNU Journal of Science: Mathematics-Physics			31 24-30	03/2015
21	Thiết kế máy đo quang kích thước nhỏ khảo sát sự có mặt của các hạt nano định hướng ứng dụng trong cảm biến sinh học.	3	Không	Hội nghị khoa học kỹ thuật đo lường toàn quốc lần thứ 5			888-894	05/2015
22	Structure, electrical properties, and application possibility as solid oxid fuel cells cathode materials of (La ₂ NiO ₄) _{1-x} (BaTiO ₃) _x (x=0.0-0.5) composites	8	Không	Journal of Science Technology			54, 1A, 66-71	09/2015
23	<u>Fabrication of Ba Doped LaMnO₃ Nanomaterials by Microwave Combustion Method</u>	7	Không	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics			36, 4, 1-9	10/2020
24	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp Mn ₃ O ₄ /graphen bằng phương pháp điện hóa plasma dưới sự hỗ trợ của siêu âm định hướng ứng dụng làm điện cực cho siêu tụ	9	Không	Vietnam Journal of Chemistry			58, 5E1,2, 265-269	11/2020
25	Chế tạo vật liệu tổ hợp graphen/Mn ₃ O ₄ bằng phương pháp hóa siêu âm kết hợp plasma ứng dụng cho quang xúc tác phân hủy thuốc nhuộm da cam trong nước	7	Không	Vietnam Journal of Chemistry			58, 5E1,2, 196-200	11/2020
26	<u>Metal-insulator transition and small-to-large polaron crossover in</u>	4	Không	Bulletin of Materials Science	Có - SCIE IF: Q3	4	43 139	06/2020

	<u>La₂NiO_{4+δ}/BaTiO₃ composites</u>						
27	<u>Metal-Insulator Transition in (La_{0.7}Sr_{0.3}Mn_{0.98}Co_{0.02}O₃)_{1-x}(BaTiO₃)_x Multiferroic</u>	7	Không	Materials Transactions	Có - SCIE IF: Q2	2	61, 8, 1517-1522 04/2020
28	Chế tạo vật liệu composite graphene/MnO ₂ bằng phương pháp điện hóa có sự hỗ trợ của plasma ứng dụng trong quang xúc tác phân hủy thuốc nhuộm cam trong nước	4	Có	Advances in Optics, Photonics, Spectroscopy & Applications XI			558-562 08/2021
29	Sự ảnh hưởng của lớp biên hạt vô định hình lên tính dẫn điện của hệ composite (La _{0.7} Sr _{0.3} Mn _{0.98} Co _{0.02} O ₃) _(1-x) –[(La ₂ NiO ₄) _{0.9} (BaTiO ₃) _{0.1}] _x với x = 0,0; 0,1; 0,2; 0,3; 0,4.	2	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc - SPMS 2021			176-179 11/2021
30	Màng mỏng bán dẫn loại p Cu ₂ O được chế tạo bằng phương pháp phun xạ và ủ nhiệt trong môi trường tự nhiên	6	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc - SPMS 2021			498-502 11/2021
31	Nghiên cứu quá trình kết tinh trong băng hợp kim nano tinh thể Fe _{73.5} Si _{13.5} B ₉ Nb ₃ Cu ₁	12	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc - SPMS 2021			121-124 11/2021
32	<u>Synthesis of MnO₂/Graphene Nanocomposites using Plasma Electrolysis Method for Photocatalytic Degradation of Methyl Orange Dye in Water</u>	5	Không	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics			38, 2, 55-61 06/2022
33	<u>Simultaneous precipitation and discharge plasma processing for one-step synthesis of α-Fe₂O₃-</u>	8	Không	RSC advances	Có - SCIE IF: Q1	8	13, 11, 7372-7379 03/2023

	<u>Fe3O4/graphene visible light magnetically separable photocatalysts</u>							
34	<u>Ag-Coated Si nanowire arrays: A new route for the precise detection of fungicides by surface enhanced Raman scattering</u>	10	Không	Optical Materials: X	Có - Scopus IF: Q2	1	19	07/2023
35	<u>2% transmitted electrochromic films by hydrogen adsorption</u>	7	Không	Materials Transactions	Có - SCIE IF: Q3		64, 9, 2147-2150	09/2023
36	<u>A Novel Electrochemical Modification Combined with Heat Treatment for Production of Ag NPs and Efficient Antibacterial Ag NPs-Coated Nonwoven Fabrics</u>	9	Không	Materials Transactions	Có - SCIE IF: Q3		64, 9, 2163-2167	09/2023
37	<u>A study on fabrication of SERS substrates base on porous Si nanostructures and gold nanoparticles</u>	8	Không	Journal of Materials Science: Materials in Electronics	Có - SCIE IF: Q2	3	34, 94, 111-116	01/2023
38	<u>Study of Crystallization Kinetics of (Fe50Ni50)73.5Si13.5B9Nb3 Cu Ribbons Prepared by Rapid Cooling Technique</u>	9	Không	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics			39, 2, 111-116	06/2023
39	<u>Magnetoimpedance effect in cobalt-based amorphous alloy irradiated by nickel and hydrogen ions</u>	10	Không	Journal of Electronic Materials	Có - SCIE IF: Q2		53 7282-7290	10/2024
40	<u>Optical properties of SiO2 opal crystals decorated with silver nanoparticles</u>	11	Có	Optical Materials: X	Có - Scopus IF: Q2	1	24 100362	12/2024

41	<u>Optimizing tomato irrigation through deep learning-enabled wireless sensor networks with fuzzy logic</u>	10	Không	Irrigation Science	Có - SCIE IF: Q1	42 955-976	07/2024
42	<u>Implementing deep learning on edge devices for snoring detection and reduction</u>	12	Có	Computers in Biology and Medicine	Có - SCIE IF: Q1	184 109458	01/2025
43	<u>Optical properties and formation mechanism of Gold nanoparticles fabricated by sono-electrochemical method</u>	2	Có	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics		41, 2, 7-13	03/2025
44	<u>Increasing opportunities for component reuse on printed circuit boards using deep learning</u>	10	Có	International Journal of Environmental Science and Technology	Có - SCIE IF: Q1	22 7885-7910	05/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 3 ([40] [42] [44])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------	--------------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	--	---------------------------	--	----------------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò U/V (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Điều chỉnh chương trình Thạc sỹ Vật lý	Tham gia	Quyết định số 2486/QĐ-ĐHKHTN, ngày 08/08/2023	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 4942/QĐ-ĐHKHTN, ngày 26/12/2023	Thành viên, Tổ trưởng tổ thư ký
2	Điều chỉnh chương trình Đại học Vật lý chuẩn	Tham gia	Quyết định số 2605/QĐ-ĐHKHTN ngày 14 tháng 8 năm 2023	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 3559/QĐ-ĐHKHTN ngày 18 tháng 10 năm 2023	Thành viên
3	Điều chỉnh chương trình Đại học Quốc tế Vật lý	Tham gia	Quyết định số 2606/QĐ-ĐHKHTN ngày 14 tháng 8 năm 2023	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 3560/QĐ-ĐHKHTN ngày 18 tháng 10 năm 2023	Thành viên
4	Điều chỉnh chương trình Đại học Kỹ thuật điện tử và tin học	Tham gia	Quyết định số 2603/QĐ-ĐHKHTN ngày 14 tháng 8 năm 2023	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 3564/QĐ-ĐHKHTN ngày 18 tháng 10 năm 2023	Thành viên
5	Điều chỉnh chương trình Đại học Tài năng Vật lý	Tham gia	Quyết định số 2604/QĐ-ĐHKHTN ngày	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa	Quyết định số 3561/QĐ-ĐHKHTN ngày	Thành viên

			14 tháng 8 năm 2023	học Tự nhiên	18 tháng 10 năm 2023	
6	Điều chỉnh chương trình Đại học Khoa học vật liệu	Tham gia	Quyết định số 2607/QĐ-ĐHKHTN ngày 14 tháng 8 năm 2023	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 3562/QĐ-ĐHKHTN ngày 18 tháng 10 năm 2023	Thành viên
7	Điều chỉnh chương trình Đại học Công nghệ kỹ thuật hạt nhân	Tham gia	Quyết định số 2608/QĐ-ĐHKHTN ngày 14 tháng 8 năm 2023	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 3563/QĐ-ĐHKHTN ngày 18 tháng 10 năm 2023	Thành viên
8	Xây dựng chương trình Đại học Công nghệ bán dẫn	Tham gia	Quyết định số 5047/QĐ-ĐHKHTN ngày 31 tháng 12 năm 2024	Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Khoa học Tự nhiên	Quyết định số 2099/QĐ-ĐHQGHN ngày 28 tháng 4 năm 2025	Thành viên

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Ngọc Đình